

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BT
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/ DS-ST

Ngày: 07/6/2019

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Dương Thị Thanh Thúy;

2/ Ông Trần Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2019/ TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXX-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1955 (có)

Địa chỉ: Số 98/22 đường Tân Kế, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1977 (vắng)

Địa chỉ: Số 98/20 đường Tân Kế, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2019, bản tự khai ngày 11/4/2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày như sau:*

Vào năm 2007 bà được Ủy ban nhân dân thị xã BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) thửa 439 (5) diện tích 55,4m² tại phường 3, thành phố BT, vào ngày 15/6/2017 bà được cấp đổi GCNQSDĐ và nhà ở, trên phần đất này có căn nhà cấp 4 có diện tích 39m².

Năm 2018 bà làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho con trai bà là anh Nguyễn Văn V với mục đích là để ở chứ không được sang bán chuyển nhượng cũng như cầm cố đất.

Vào ngày 24/9/2018 anh V đến Ủy ban nhân dân phường A, thành phố BT ký cam kết với bà khi V được cấp GCNQSDĐ thì V có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền mà V còn nợ bà là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), trong đó số tiền 200.000.000đ là tiền bà cho V mượn để chuộc xe taxi, số tiền 150.000.000đ là tiền bà cho vợ chồng V mượn.

Vào ngày 17/10/2018 ông V được cấp GCNQSDĐ nhưng chỉ trả tiền cho bà số tiền 35.000.000đ còn lại 315.000.000đ không trả nữa và nay ông V có ý định bán nhà đất mà bà đã tặng cho.

Nay bà làm đơn này yêu cầu ông V trả cho bà số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng) mà ông V đã hứa trả theo giấy cam kết ngày 24/9/2018, bà không yêu cầu trả lãi suất.

** Ông V không đến Tòa án và cũng không có văn bản đối với yêu cầu của bà M.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy bà M yêu cầu anh V trả số tiền còn nợ nên có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh V có đăng ký hộ khẩu tại số nhà Số 98/20 đường Tân Kế, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và tại thời điểm viết cam kết trả tiền ông V vẫn còn sinh sống tại địa chỉ này nên Hội đồng xét xử xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà M khởi kiện yêu cầu anh V cho bà số tiền còn nợ là 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng), bà không yêu cầu anh V trả lãi suất.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà M cung cấp cho Tòa án một tờ cam kết do anh V viết ngày 24/9/2018 có chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố BT, GCNQSDĐ của bà đối với thửa đất 439 (5) vào năm 2007 và năm 2017.

Nội dung của tờ cam kết ngày 24/9/2018 do anh V viết có nội dung: “.....Tôi Nguyễn Văn V cam kết khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất trên do mẹ tôi là

Huỳnh Thị M tặng cho, tôi sẽ dùng vào mục đích để ở chứ không cầm cố, thế chấp hoặc mua bán, giao dịch nào... có liên quan đến phần đất này. Đồng thời tôi sẽ trả lại cho mẹ tôi là bà Huỳnh Thị M tổng cộng số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) cụ thể: 200.000.000đ là mẹ tôi Huỳnh Thị M bỏ ra chuộc lại xe taxi cho tôi và 150.000.000đ tiền mà vợ tôi Nguyễn Thị Kim Ph đã mượn của mẹ tôi trước đó. Từ nay về sau, tôi cam kết không tranh chấp hay đòi hỏi bất kỳ quyền lợi nào đối với mẹ tôi Huỳnh Thị M và các chị em khác trong gia đình”.

Theo như nội dung tờ cam kết anh V đồng ý trả cho bà M số tiền 350.000.000đ gồm 200.000.000đ tiền bà M bỏ ra chuộc xe taxi cho anh V và 150.000.000đ vợ ông V là chị Nguyễn Thị Kim Ph mượn của bà M, bà M đồng ý để một mình anh V trả số tiền này cho bà mà không yêu cầu vợ ông V là chị Nguyễn Thị Kim Ph cùng trả, do đó xác định số tiền anh V còn nợ bà M là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ.

Về thời gian trả tiền, theo tờ cam kết ông V có ghi “.....Tôi Nguyễn Văn V cam kết khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất trên do mẹ tôi là Huỳnh Thị M tặng cho, tôi sẽ dùng vào mục đích để ở chứ không cầm cố, thế chấp hoặc mua bán, giao dịch nào... có liên quan đến phần đất này. Đồng thời tôi sẽ trả lại cho mẹ tôi là bà Huỳnh Thị M tổng cộng số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng)...”, tuy nhiên ngày 17/10/2018 ông V được cấp GCNQSDĐ nhưng anh V chỉ trả cho bà M số tiền 35.000.000đ còn lại 315.000.000đ thì không trả nữa do đó xác định anh V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như bản cam kết ngày 24/9/2018, bà M khởi kiện yêu cầu anh V trả số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng) là có cơ sở nên cần buộc anh V trả cho bà M số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

- Về lãi suất: Ghi nhận bà M không yêu cầu anh V trả lãi suất của số tiền trên nên không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh V là người phải trả nợ cho bà M nên anh V phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể: 315.000.000đ x 5% = 15.750.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M đối với ông Nguyễn Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/ Buộc anh Nguyễn Văn V phải trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền vay còn nợ là 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

Ghi nhận bà M không yêu cầu ông V trả lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh V phải nộp án phí là 15.750.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

4/ Bà M được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, ông V được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Châu

Phan Công Chiến Dương Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Diễm Châu

